

Mẫu 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH ĐĂNG KÝ HÀNH NGHỀ
NĂM 2026

(Theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP, ngày 30/12/2023 của Chính phủ)

1. Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: **BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN HÀ NAM**
2. Địa chỉ: Tổ 18, phường Phủ Lý, tỉnh Ninh Bình
3. Thời gian làm việc hằng ngày của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh 24/24h tất cả các ngày trong tuần: 07h00-17h00; T2T3T4T5T6
4. Danh sách đăng ký người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh:

STT	Họ và tên	Số giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác (nếu có)	Ghi chú
1	Hà Văn Diễn	000341/ HNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT; KCB Nội khoa không làm thủ thuật chuyên khoa; thực hiện kỹ thuật siêu âm tổng quát	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Giám đốc, người phụ trách chuyên môn kỹ thuật; Bác sĩ Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT; khám bệnh chữa bệnh Nội khoa không làm thủ thuật chuyên khoa; Thực hiện kỹ thuật siêu âm tổng quát.		
2	Dương Bá Vương	000595/ HNA-CCHN	Chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh. Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT; khám bệnh chữa bệnh Nội khoa	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Phó giám đốc, Bác sĩ Chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh; Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT; khám bệnh chữa bệnh Nội khoa		

STT	Họ và tên	Số giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác (nếu có)	Ghi chú
3	Trần Văn Anh	001477/ HNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa không làm thủ thuật chuyên khoa; khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa hồi sức cấp cứu; Nhi khoa.	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Phó giám đốc, Bác sĩ Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa không làm thủ thuật chuyên khoa; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa hồi sức cấp cứu; Nhi khoa.		
4	Nguyễn Thị Minh Chung	000599/ HNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT; Khám thai, quản lý thai sản; khám bệnh, chữa bệnh phụ khoa thông thường; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa phục hồi chức năng.	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Trưởng Khoa Ngoại - Phụ, Bác sĩ Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT; Khám thai, quản lý thai sản; Khám bệnh, chữa bệnh phụ khoa thông thường; Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa phục hồi chức năng		
5	Phạm Hoài Nam	0001787/HN A-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng hàm mặt	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Phó trưởng khoa Châm cứu- Dưỡng sinh, Bác sĩ Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng hàm mặt		
6	Đinh Trọng Phương	0001836/HN A-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT; Thực hiện kỹ thuật tán sỏi ngoài cơ thể	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Trưởng khoa Khám bệnh đa khoa, Bác sĩ Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT; Thực hiện kỹ thuật tán sỏi		

STT	Họ và tên	Số giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác (nếu có)	Ghi chú
					ngoài cơ thể; Thực hiện kỹ thuật nội soi Tai mũi họng		
7	Nguyễn Thị Hoàn	000429/ HNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT; Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa không làm thủ thuật chuyên khoa; khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt; thực hiện kỹ thuật và đọc kết quả điện tâm đồ	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Phó trưởng khoa Khám bệnh đa khoa; Bác sĩ Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT; Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa không làm thủ thuật chuyên khoa; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt; Thực hiện kỹ thuật và đọc kết quả điện tâm đồ		
8	Nguyễn Quốc Trưởng	0001835/HN A-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT; Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa không làm thủ thuật chuyên khoa	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Phó khoa PHCN, Bác sĩ Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT; Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa không làm thủ thuật chuyên khoa		
9	Nguyễn Trường Thạch	0001834/HN A-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT; khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tiết – Đái tháo đường	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Bác sĩ Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT; khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tiết – Đái tháo đường		

STT	Họ và tên	Số giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác (nếu có)	Ghi chú
10	Lê Mạnh Trường	0003581/HN A-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Bác sĩ Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại; Da liễu; Nội soi tiêu hoá chẩn đoán.		
11	Nguyễn Văn Tuân	080386/ CCHN-BQP	Khám chữa bệnh Nội Khoa; Siêu âm tổng quát (ổ bụng, tim mạch, sản phụ khoa)	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Bác sĩ Khám chữa bệnh Nội Khoa; Siêu âm tổng quát (ổ bụng, tim mạch, sản phụ khoa)		
12	Nguyễn Thị Hong Nhung	0004189/ HNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. Bác sĩ khám bệnh chữa bệnh Nội khoa; khám bệnh, chữa bệnh sản phụ khoa.		
13	Cao Anh Tuấn	0003897/HN A-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Bác sĩ khám bệnh, chữa bệnh Đa khoa; Khám chữa bệnh Nội khoa; khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Tai- Mũi-Họng và thực hiện các kỹ thuật về khám chữa bệnh Tai mũi họng.		
14	Vũ Văn Dậu	0001832/ HNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT; Chuyên khoa Xét nghiệm	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Trưởng khoa XN-CDHA- TDCN, Bác sĩ Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT; Chuyên khoa Xét nghiệm.		

STT	Họ và tên	Số giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác (nếu có)	Ghi chú
15	Cao Đức Cường	000598/ HNA-CCHN	Chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh; Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Bác sĩ Chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh; Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT		
16	Vũ Thị Duyên	0001838/HN A-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT; Chuyên khoa Xét nghiệm; Thực hiện kỹ thuật siêu âm tổng quát	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Phó trưởng khoa XN- CDHA-TDCN, Bác sĩ Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT; Chuyên khoa Xét nghiệm; Thực hiện kỹ thuật siêu âm tổng quát		
17	Tạ Quang Huy	0001840/HN A-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT; Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa phục hồi chức năng	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Trưởng phòng KHTH-KSNK, Bác sĩ Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT; Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa PHCN tại các khoa lâm sàng khi được phân công		
18	Trần Thị Dung	000600/ HNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa phục hồi chức năng	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Trưởng khoa Nội - Nhi, Bác sĩ Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT; Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa phục hồi chức năng		
19	Trần Quang Tuyên	0001830/HN A-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Trưởng khoa Châm cứu- Dưỡng sinh, Bác sĩ Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT		

STT	Họ và tên	Số giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác (nếu có)	Ghi chú
20	Trần Huy Du	003133/ HNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT; khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Phó trưởng khoa Nội – Nhi, Bác sĩ Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT; Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa		
21	Nguyễn Văn Hậu	0001833/HN A-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Bác sĩ Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT		
22	Quách Công Thắng	0003312/HN A-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Bác sĩ Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT		
23	Hoàng Vũ Hiền	0001839/HN A-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT; Chuyên khoa Nội khoa	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Bác sĩ Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT; Chuyên khoa Nội khoa		
24	Bùi Thị Phương Thảo	003481/ HNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa phục hồi chức năng.	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Bác sĩ Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa phục hồi chức năng.		
25	Trương Thị Hồng Hạnh	0004198/HN A-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Bác sĩ Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT		

STT	Họ và tên	Số giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác (nếu có)	Ghi chú
26	Phạm Quang Đông	0001831/HN A-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT; khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa PHCN; Thực hiện kỹ thuật siêu âm tổng quát	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Trưởng khoa PHCN, Bác sĩ Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT; Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa PHCN; Thực hiện kỹ thuật siêu âm tổng quát		
27	Trần Trung Đức	0003786/HN A-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT; khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa phục hồi chức năng	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Bác sĩ Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT; Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa phục hồi chức năng		
28	Nguyễn Ngọc Khánh	0003829/HN A-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Bác sĩ Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT		
29	Trần Thị Trà My	0003782/HN A-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Bác sĩ Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT		
30	Vũ Thế Đông	0003536/HN A-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Bác sĩ Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT		
31	Chu Văn Ni	000911/NB- GPHN	Y học cổ truyền	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Bác sĩ khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền		

STT	Họ và tên	Số giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác (nếu có)	Ghi chú
32	Nguyễn Thị Thu Hằng	0004212/HN A-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Bác sĩ Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT		
33	Trần Thị Thu Hoài	029095/ HN0-CCHN	Thực hiện khám bệnh chữa bệnh bằng Y học cổ truyền; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Phục hồi chức năng	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Bác sĩ Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa phục hồi chức năng		
34	Dương Thị Thanh Huyền	0004369/HN A-GPHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa y học cổ truyền	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Bác sĩ Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT		
35	Nguyễn Quốc Đông	000592/ HNA-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng.	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Phó trưởng phòng KHTH - KSNK		
36	Trần Thị Minh Xuân	000400/ HNA-GPHN	Điều dưỡng	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Điều dưỡng trưởng khoa Châm cứu- Dưỡng sinh;		
37	Phạm Thị Thu Hà	000605/ HNA-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Kỹ thuật viên xét nghiệm		
38	Lê Vĩnh Đạt	000284/HNA -GPHN	Xét nghiệm y học	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Kỹ thuật viên xét nghiệm		

STT	Họ và tên	Số giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác (nếu có)	Ghi chú
39	Đào Văn Chí	0001815/HN A-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền; KTV X - Quang; Thực hiện kỹ thuật VLTL và PHCN	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Kỹ thuật viên X quang; Y sĩ Y học cổ truyền; Thực hiện kỹ thuật VLTL và PHCN.		
40	Đinh Tuấn Đạt	000590/ HNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền; Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng (đối với Điều dưỡng Trung cấp); KTV X Quang; Thực hiện kỹ thuật VLTL và PHCN	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Kỹ thuật viên X quang; Y sĩ Y học cổ truyền; Thực hiện kỹ thuật VLTL và PHCN.		
41	Ngô Thị Dung	0003949/HN A-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đối với điều dưỡng đại học	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Điều dưỡng viên		
42	Nguyễn Thị Thu Hằng	000607/ HNA-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng (đối với điều dưỡng đại học); Thực hiện kỹ thuật VLTL và PHCN	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Điều dưỡng trưởng khoa Khám bệnh; Thực hiện kỹ thuật VLTL/PHCN tại khoa lâm sàng khi được phân công; Được thực hiện các kỹ thuật có dấu “*” của chức danh điều dưỡng quy		

STT	Họ và tên	Số giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác (nếu có)	Ghi chú
					định tại phụ lục XII Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023.		
43	Trần Thị Thanh Nhân	002280/ NB-GPHN	Điều dưỡng	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Điều dưỡng viên; Được thực hiện các kỹ thuật có dấu “*” của chức danh điều dưỡng quy định tại phụ lục XII Thông tư 32/2023/TT- BYT ngày 31/12/2023.		
44	Bùi Thị Thủy	0001823/HN A-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đối với điều dưỡng đại học	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Điều dưỡng viên		
45	Nguyễn Thị Thùy Linh	0003825/HN A-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng đối với điều dưỡng đại học	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Điều dưỡng viên		
46	Nguyễn Thị Huệ	003445/HNA -CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng.	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Điều dưỡng viên		

STT	Họ và tên	Số giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác (nếu có)	Ghi chú
47	Trần Thị Thu Hà	000603/ HNA-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng; Thực hiện kỹ thuật VLTL và PHCN	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Điều dưỡng viên; Thực hiện kỹ thuật VLTL và PHCN; Được thực hiện các kỹ thuật có dấu “*” của chức danh điều dưỡng quy định tại phụ lục XII Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023.		
48	Phạm Thị Thủy	000591/ HNA-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đối với điều dưỡng đại học.	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Điều dưỡng viên; Được thực hiện các kỹ thuật có dấu “*” của chức danh điều dưỡng quy định tại phụ lục XII Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023.		
49	Vũ Thị Phương Thảo	000594/ HNA-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng (đối với Điều dưỡng); Thực hiện kỹ thuật VLTL và PHCN	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Điều dưỡng viên; Thực hiện các kỹ thuật VLTL/PHCN; Được thực hiện các kỹ thuật có dấu “*” của chức danh điều dưỡng quy định tại phụ lục XII Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023.		

STT	Họ và tên	Số giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác (nếu có)	Ghi chú
50	Dương Văn Trường	000587/ HNA-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng (đối với Điều dưỡng); Thực hiện kỹ thuật VLTL và PHCN	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Điều dưỡng viên; Thực hiện các kỹ thuật về VLTL/PHCN; Được thực hiện các kỹ thuật có dấu “*” của chức danh điều dưỡng quy định tại phụ lục XII Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023.		
51	Vũ Thị Lan	000597/ HNA-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng (đối với điều dưỡng đại học); Thực hiện kỹ thuật VLTL và PHCN	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Điều dưỡng trưởng khoa Ngoại - Phụ; Thực hiện kỹ thuật VLTL và PHCN; Được thực hiện các kỹ thuật có dấu “*” của chức danh điều dưỡng quy định tại phụ lục XII Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023.		
52	Trần Thị Hương	000589/ HNA-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng (đối với điều dưỡng đại học); Thực hiện kỹ thuật VLTL và PHCN	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Điều dưỡng viên; Thực hiện kỹ thuật VLTL và PHCN; Được thực hiện các kỹ thuật có dấu “*” của chức danh điều dưỡng quy định tại phụ lục XII Thông tư		

STT	Họ và tên	Số giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác (nếu có)	Ghi chú
					32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023.		
53	Trần Thị Thanh Huyền	000601/ HNA-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng (đối với điều dưỡng đại học); Thực hiện kỹ thuật VLTL và PHCN	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Điều dưỡng viên; Thực hiện kỹ thuật VLTL và PHCN; Được thực hiện các kỹ thuật có dấu “*” của chức danh điều dưỡng quy định tại phụ lục XII Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023.		
54	Nguyễn Thị Kim Thoa	000615/ HNA-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng (đối với điều dưỡng đại học); Kỹ thuật viên Phục hồi chức năng.	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Điều dưỡng viên; Kỹ thuật viên Phục hồi chức năng; Được thực hiện các kỹ thuật có dấu “*” của chức danh điều dưỡng quy định tại phụ lục XII Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023.		
55	Trần Thị Hương	000268/ HNA-GPHN	Điều dưỡng; Thực hiện kỹ thuật VLTL và PHCN	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Điều dưỡng viên; Thực hiện kỹ thuật VLTL và PHCN; Được thực hiện các kỹ thuật có dấu “*” của		

STT	Họ và tên	Số giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác (nếu có)	Ghi chú
					chức danh điều dưỡng quy định tại phụ lục XII Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023.		
56	Nguyễn Thị Thủy Ninh	000271/HNA -GPHN	Điều dưỡng; Thực hiện kỹ thuật VLTL và PHCN	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Điều dưỡng viên; Thực hiện kỹ thuật VLTL và PHCN; Được thực hiện các kỹ thuật có dấu “*” của chức danh điều dưỡng quy định tại phụ lục XII Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023.		
57	Vũ Khánh Linh	0003913/HN A-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đối với điều dưỡng cao đẳng.	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Điều dưỡng viên; Được thực hiện các kỹ thuật có dấu “*” của chức danh điều dưỡng quy định tại phụ lục XII Thông tư 32/2023/TT- BYT ngày 31/12/2023.		
58	Quyền Thế Lợi	000586/ HNA-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Điều dưỡng trưởng khoa PHCN; Được thực hiện các kỹ thuật có dấu “*” của chức danh điều dưỡng quy		

STT	Họ và tên	Số giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác (nếu có)	Ghi chú
			chức danh nghề nghiệp điều dưỡng đối với điều dưỡng đại học		định tại phụ lục XII Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023.		
59	Nguyễn Thị Thu Hương	000611/ HNA-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng đối với điều dưỡng đại học, Thực hiện kỹ thuật VLTL và PHCN	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Điều dưỡng viên; Thực hiện kỹ thuật VLTL và PHCN; Được thực hiện các kỹ thuật có dấu “*” của chức danh điều dưỡng quy định tại phụ lục XII Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023.		
60	Hoàng Thị Xuyên	000609/ HNA-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng đối với điều dưỡng đại học. Thực hiện kỹ thuật VLTL và PHCN	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Điều dưỡng viên; Thực hiện kỹ thuật VLTL và PHCN; Được thực hiện các kỹ thuật có dấu “*” của chức danh điều dưỡng quy định tại phụ lục XII Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023.		
61	Trần Thị Hoàn	000602/ HNA-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Điều dưỡng viên; Kỹ thuật viên PHCN; Được thực hiện các kỹ thuật có dấu “*” của		

STT	Họ và tên	Số giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác (nếu có)	Ghi chú
			ngành điều dưỡng đối với điều dưỡng đại học. Kỹ thuật viên PHCN		chức danh điều dưỡng quy định tại phụ lục XII Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023.		
62	Vũ Thị Bích Thảo	000263/ HNA-GPHN	Điều dưỡng; Kỹ thuật viên PHCN	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Điều dưỡng viên; Kỹ thuật viên PHCN; Được thực hiện các kỹ thuật có dấu “*” của chức danh điều dưỡng quy định tại phụ lục XII Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023.		
63	Lê Thị Thanh Thúy	000614/ HNA-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng (đối với điều dưỡng đại học); Thực hiện kỹ thuật VLTL và PHCN	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Điều dưỡng viên; Thực hiện kỹ thuật VLTL và PHCN; Được thực hiện các kỹ thuật có dấu “*” của chức danh điều dưỡng quy định tại phụ lục XII Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023.		
64	Nguyễn Thị Lan Anh	0004054/HN A-CCHN	Kỹ thuật viên phục hồi chức năng	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Kỹ thuật viên phục hồi chức năng		

STT	Họ và tên	Số giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác (nếu có)	Ghi chú
65	Nguyễn Minh Hải	000596/ HNA-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng (đối với điều dưỡng); Thực hiện kỹ thuật VLTL và PHCN	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Điều dưỡng trưởng khoa Nội – Nhi; Thực hiện kỹ thuật VLTL và PHCN; Được thực hiện các kỹ thuật có dấu “*” của chức danh điều dưỡng quy định tại phụ lục XII Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023.		
66	Trần Thị Thúy	000610/ HNA-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng (đối với điều dưỡng đại học); Thực hiện kỹ thuật VLTL và PHCN	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Điều dưỡng viên; Thực hiện kỹ thuật VLTL và PHCN; Được thực hiện các kỹ thuật có dấu “*” của chức danh điều dưỡng quy định tại phụ lục XII Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023.		
67	Đỗ Thị Lệ Yên	000617/ HNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền; Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng (đối	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Kỹ thuật viên PHCN, Điều dưỡng viên, Y sĩ khám bệnh chữa bệnh bằng Y học cổ truyền.		

STT	Họ và tên	Số giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác (nếu có)	Ghi chú
			với Điều dưỡng Trung cấp); Kỹ thuật viên PHCN				
68	Đinh Thị Nhi	000616/ HNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền; Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng (đối với Điều dưỡng Trung cấp); Thực hiện kỹ thuật VLTL và PHCN	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Điều dưỡng viên, Y sĩ khám bệnh chữa bệnh bằng Y học cổ truyền; Thực hiện kỹ thuật VLTL và PHCN; Được thực hiện các kỹ thuật có dấu “*” của chức danh điều dưỡng quy định tại phụ lục XII Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023.		
69	Nguyễn Thị Bùi	000612/ HNA-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng đối với điều dưỡng đại học. Thực hiện kỹ thuật VLTL và PHCN	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Điều dưỡng viên; Thực hiện kỹ thuật VLTL và PHCN; Được thực hiện các kỹ thuật có dấu “*” của chức danh điều dưỡng quy định tại phụ lục XII Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023.		
70	Chu Văn An	000618/ HNA-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Điều dưỡng viên; Được thực hiện các kỹ thuật có dấu “*” của chức danh điều dưỡng quy định tại phụ lục		

STT	Họ và tên	Số giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác (nếu có)	Ghi chú
			chức danh nghề nghiệp điều dưỡng đối với điều dưỡng đại học		XII Thông tư 32/2023/TT- BYT ngày 31/12/2023.		
71	Phạm Thị Thu Thảo	002827/ HNA-CCHN	Kỹ thuật viên VLTL và PHCN; Điều dưỡng thực hiện theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV, ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế và Bộ Nội vụ	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Kỹ thuật viên VLTL và PHCN; Điều dưỡng viên;		
72	Nguyễn Thị Thu Phương	000063/HNA -GPHN	Điều dưỡng	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Điều dưỡng viên; Được thực hiện các kỹ thuật có dấu “*” của chức danh điều dưỡng quy định tại phụ lục XII Thông tư 32/2023/TT- BYT ngày 31/12/2023.		
73	Nguyễn Thị Thu Trang	0003805/HN A-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đối với điều dưỡng cao đẳng	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Điều dưỡng viên		
74	Nguyễn Thị Huyền	000148/ HNA-GPHN	Điều dưỡng	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Điều dưỡng viên; Được thực hiện các kỹ thuật có dấu “*” của chức danh điều dưỡng quy định tại phụ lục XII Thông tư 32/2023/TT- BYT ngày 31/12/2023.		

STT	Họ và tên	Số giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác (nếu có)	Ghi chú
75	Nguyễn Việt Hà	0002662/ HNA-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đối với điều dưỡng đại học	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Điều dưỡng viên; Được thực hiện các kỹ thuật có dấu “*” của chức danh điều dưỡng quy định tại phụ lục XII Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023.		
76	Đỗ Thị Kim Ngân	002895/ HNA-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế và Bộ Nội vụ	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Điều dưỡng viên;		
77	Trần Thị Huyền Trang	565/HNA-CCHND	Đủ điều kiện hành nghề được với các vị trí hành nghề sau: - Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của nhà thuốc; - Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của quầy thuốc; - Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của tủ thuốc trạm y tế xã.	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Trưởng khoa Dược		
78	Nguyễn Xuân Huỳnh	130/HNA-CCHND	Đủ tiêu chuẩn hành nghề được với các hình thức tổ chức kinh doanh: nhà thuốc	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Phó Trưởng khoa Dược		
79	Trần Thị Bích Hạnh	2406/CCHN-D-SYT-NB	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc Trạm Y tế xã.	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Dược sĩ đại học		

STT	Họ và tên	Số giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác (nếu có)	Ghi chú
80	Trần Thị Thiếp	2462/CCHN- D-SYT-HNA	Bằng tốt nghiệp cao đẳng ngành dược. Đủ điều kiện hành nghề dược với các vị trí hành nghề sau: Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của quầy thuốc	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Dược sĩ cao đẳng		
81	Trần Thị Phượng	2461/CCHN- D-SYT-HNA	Đủ điều kiện hành nghề dược với các vị trí hành nghề sau: Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của quầy thuốc	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Dược sĩ cao đẳng		
82	Trần Thanh Huyền	2460/CCHN- D-SYT-HNA	Đủ điều kiện hành nghề dược với các vị trí hành nghề sau: Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của quầy thuốc	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Dược sĩ cao đẳng		
83	Doãn Trung Thành	2498/CCHN- D-SYT-HNA	Đủ điều kiện hành nghề dược với các vị trí hành nghề sau: Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của quầy thuốc	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Dược sĩ cao đẳng		
84	Bùi Thị Minh Phương	2602/CCHN- D-SYT-HNA	Đủ điều kiện hành nghề dược với các vị trí hành nghề sau: - Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của quầy thuốc. - Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của tủ thuốc trạm y tế xã.	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Dược sĩ cao đẳng		
85	Nguyễn Hoài Dương	000257/HNA -GPHN	Điều dưỡng	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Điều dưỡng viên; Dược thực hiện các kỹ thuật có dấu “*” của chức danh điều dưỡng quy định tại phụ lục		

STT	Họ và tên	Số giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác (nếu có)	Ghi chú
					XII Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023.		
86	Nguyễn Thị Minh	000261/HNA-GPHN	Y học cổ truyền	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Bác sĩ Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT.		
87	Phạm Thu Cúc	000136/ HNA-GPHN	Điều dưỡng	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Điều dưỡng viên; Được thực hiện các kỹ thuật có dấu “*” của chức danh điều dưỡng quy định tại phụ lục XII Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023.		
88	Đồng Thị Thuý	007867/HNO-GPHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Bác sĩ Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT		
89	Đinh Thị Thu Nga	00293/HNO-CCHND	Đủ điều kiện hành nghề các loại hình kinh doanh thuốc sau: - HTX, hộ kinh doanh cá thể sản xuất dược liệu, thuốc đông y, thuốc từ dược liệu - HTX, hộ kinh doanh cá thể bán buôn dược liệu, thuốc đông y, thuốc từ dược liệu - Đại lý bán buôn vacxin, sinh phẩm y tế - Quầy thuốc - Đại lý bán thuốc doanh nghiệp - Tủ thuốc của trạm y tế	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Dược sĩ trung học		

STT	Họ và tên	Số giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác (nếu có)	Ghi chú
			- Cơ sở bán lẻ thuốc đông y từ dược liệu				
90	Nguyễn Trung Hiếu	001923/NB- GPHN	Phục hồi chức năng	7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6	Kỹ thuật Y		

Phủ Lý, ngày 27 tháng 08 năm 2026

GIÁM ĐỐC



Hà Văn Diễn